



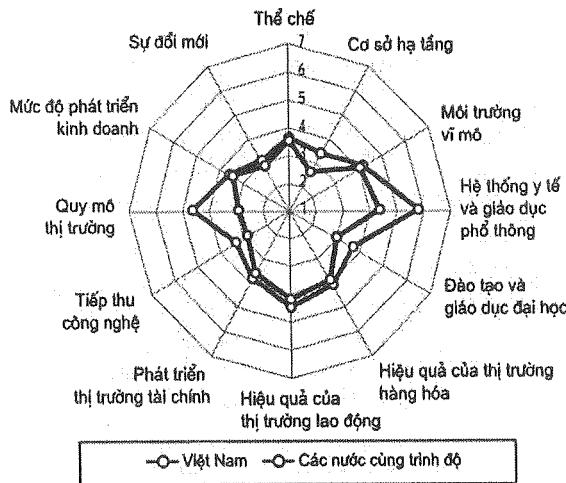
ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN DẠY NGHỀ - GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA

TS. VŨ XUÂN HÙNG
Tổng cục Dạy nghề

Trong xu thế hội nhập, nhân lực nói chung, nhân lực kĩ thuật trực tiếp nói riêng ngày càng trở thành nhân tố quyết định sự phát triển cũng như năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Xác định vai trò quan trọng của nhân lực lao động kĩ thuật đối với sự phát triển và năng lực cạnh tranh quốc gia, trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011 - 2020, Đảng ta đã xác định: "Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, ... là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững...."(1). Tuy nhiên, hiện nay, chất lượng nhân lực nói chung, lao động kĩ thuật nói riêng đang còn là "điểm nghẽn" cản trở sự phát triển, giảm năng lực cạnh tranh của quốc gia. Vấn đề này đang trở thành thách thức lớn, cần phải được tập trung giải quyết trong thời gian tới.

1. Năng lực cạnh tranh quốc gia – thách thức đối với dạy nghề

Theo "Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu 2012 - 2013" (GCI) do Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) công bố đầu năm 2013, năng lực cạnh tranh của Việt Nam đứng thứ 75/144 quốc gia xếp hạng, nếu so với năm 2011 thì đã tụt 10 bậc từ hạng 65 xuống 75⁽²⁾.



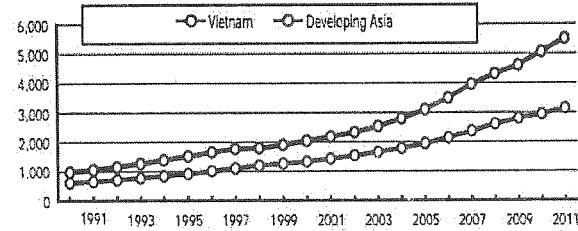
Hình 1. Biểu đồ năng lực cạnh tranh của Việt Nam
Nguồn: WEF-2013

Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 2012 - 2013 là kết quả khảo sát năng lực cạnh tranh của các nền kinh tế toàn cầu, được WEF tiến hành khảo sát với 144 nền kinh tế dựa trên bộ 12 tiêu chí (Hình 1).

Theo đánh giá của WEF, Việt Nam hiện chỉ được xếp vào nhóm nước đang phát triển ở giai đoạn đầu (factor driven economy). Ở giai đoạn này, 60% năng lực cạnh tranh được quyết định bởi 4 trong số 12 nhóm chỉ tiêu nêu trên là: Thể chế, Cơ sở hạ tầng, Kinh tế vĩ mô, Y tế, Đào tạo và giáo dục đại học. Tuy nhiên, 3 chỉ tiêu được coi là yếu kém nhất của Việt Nam lại nằm trong 4 yếu tố là: Cơ sở hạ tầng (thứ 95 với 3,34 điểm), Đào tạo và giáo dục đại học (thứ 96 với 3,16 điểm) và Tiếp thu công nghệ (thứ 98 với 3,33 điểm). Ba chỉ tiêu yếu kém này có quan hệ mật thiết, hữu cơ với nhau và nguồn gốc sâu xa, suy cho cùng đều thuộc về con người. Và như vậy, thật là dễ hiểu khi giáo dục, đào tạo yếu kém không chỉ làm cho 2 chỉ tiêu khác yếu kém, mà còn làm cho nhiều yếu tố khác cũng có thể yếu kém theo.

Phân tích về năng lực cạnh tranh, các chuyên gia đều cho rằng, năng suất lao động là yếu tố trung tâm cốt lõi của năng lực cạnh tranh.

GDP (PPP) per capita (Int'l \$), 1990-2011



Hình 2. So sánh thu nhập của Việt Nam với mức trung bình của các quốc gia đang phát triển tại châu Á.

Tổ chức Năng suất Châu Á – APO vừa mới công bố bản Báo cáo Năng suất năm 2012⁽³⁾ về tình hình năng suất của các quốc gia châu Á. Theo số liệu công bố trong Báo cáo, năm 2010, Singapore là quốc gia có năng suất lao động cao nhất, đạt 89,9 nghìn USD/người lao động, Nhật Bản đạt 63,9 nghìn USD, Hàn Quốc đạt 57,7 nghìn USD, Malaysia đạt 35 nghìn USD, Thái Lan đạt 15,3 nghìn USD, Philippines đạt

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị quốc gia, 2011

² WEF, The Global Competitiveness Report 2012 - 2013

³ APO Productivity Databook 2012



9,4 nghìn USD, Indonesia đạt 9 nghìn USD, Lào đạt 4,8 nghìn USD. Năng suất lao động của Việt Nam đạt 5,3 nghìn USD, chỉ bằng 5,9% năng suất lao động của Singapore.

Năng suất lao động thấp dẫn đến thu nhập của người lao động thấp gần như là một hệ quả tất yếu của chuỗi phát triển.

Theo Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2013, dân số Việt Nam tính đến cuối năm 2011 đạt khoảng 90 triệu người và có tổng thu nhập quốc nội khoảng 122,7 tỉ USD, tương đương 0,38% GDP toàn cầu, tính trung bình thu nhập bình quân đầu người đạt 1.374 USD một năm. Con số này được xem là một bước tiến lớn trong những năm gần đây giúp Việt Nam bước vào ngưỡng thu nhập trung bình. Tuy nhiên, thống kê của WEF trong vòng hơn 20 năm qua cho thấy khoảng cách thu nhập của người Việt so với mức trung bình của các nước đang phát triển tại châu Á ngày một xa. Vào thập niên 90, thế kỷ 20, thu nhập của người lao động Việt Nam gần như tương đương với các quốc gia cùng trình độ phát triển khác tại châu Á (khoảng 700 - 800 USD theo tỷ giá vào thời điểm đó), nhưng đến thời điểm của năm 2011, thu nhập của Việt Nam đang thấp hơn trung bình của các nền kinh tế đang phát triển khác tại châu Á khoảng 2.000 USD (Hình 2).

Cũng liên quan đến năng lực cạnh tranh của Việt Nam, trong Báo cáo phát triển con người 2013 do Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) công bố⁽⁴⁾, Việt Nam xếp thứ 127 trên 186 nước được khảo sát, đứng trong nhóm các nước có mức phát triển con người (HDI) trung bình. Theo xếp hạng, HDI của Việt Nam thấp hơn của các nước trong khu vực như Singapore (thứ 18), Malaysia (64), Trung Quốc (101), Thái Lan (103), Philippines (114), Indonesia (121) và cao hơn Campuchia (137), Lào (138).

Như vậy, trong nhiều yếu tố, giáo dục - đào tạo nói chung, dạy nghề nói riêng có ảnh hưởng lớn đến năng lực cạnh tranh quốc gia. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, người lao động phải có kỹ năng nghề giỏi, điều đó sẽ giúp họ tăng năng suất lao động, từ đó tăng thu nhập. Nhưng để có kỹ năng nghề giỏi người lao động không chỉ qua đào tạo theo nghĩa thông thường mà phải đào tạo có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, nhất là những đòi hỏi của sự phát triển khoa học, công nghệ. Muốn vậy, phải nâng cao chất lượng dạy nghề, vì vậy, năng lực cạnh tranh quốc gia thực sự trở thành thách thức không chỉ ở tầm vĩ mô mà còn là thách thức trực tiếp đối với dạy nghề.

2. Tình hình phát triển dạy nghề

Trong những năm qua, dạy nghề đã được phục hồi và phát triển mạnh, từng bước đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập, đóng góp quan trọng vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên trường quốc tế, cụ thể như:

- Mạng lưới cơ sở dạy nghề được mở rộng. Số trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề tăng 2,71 lần, số trung tâm dạy nghề tăng 5,4 lần so với năm 2001. Tính đến cuối năm 2012 cả nước có 136 trường cao đẳng nghề, 307 trường trung cấp nghề, trên 800 trung tâm dạy nghề và hơn 1000 cơ sở khác tham gia dạy nghề;

- Số lượng tuyển sinh dạy nghề tăng 1,97 lần (từ 887,3 ngàn người năm 2001 lên 1.748 triệu người năm 2010), trong đó trung cấp nghề và cao đẳng nghề tăng 4,47 lần. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2010 đạt 30%, tăng 4% so với mục tiêu Chiến lược phát triển Giáo dục 2001-2010 đề ra;

- Các nghề đào tạo được mở dần, từng bước phù hợp với sự phát triển của các ngành nghề trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Đến năm 2010, đã có danh mục nghề của 379 nghề đào tạo ở trình độ cao đẳng, 441 nghề đào tạo ở trình độ trung cấp (tăng 1,95 lần so với năm 2001);

- Giáo viên dạy nghề tăng nhanh về số lượng (năm 2010 có khoảng 33.000 giáo viên dạy nghề, tăng 3,62 lần so với 2001) và chất lượng từng bước được nâng lên về trình độ đào tạo, kỹ năng nghề, năng lực sư phạm;

- Cơ sở vật chất, thiết bị của các cơ sở dạy nghề đã được tăng cường, đảm bảo được các thiết bị thực hành cơ bản. Các trường được đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia, nhiều thiết bị đã được bổ sung phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất;

- Chất lượng và hiệu quả dạy nghề có bước chuyển biến tích cực, lao động qua đào tạo nghề tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và đã đảm nhận được các vị trí công việc phức tạp mà trước đây phải do chuyên gia nước ngoài thực hiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nêu trên, dạy nghề vẫn còn những hạn chế, bất cập sau:

- Chất lượng đào tạo còn chưa đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động và thị trường lao động về tay nghề và các kỹ năng mềm như tác phong công nghiệp, khả năng làm việc theo tổ, nhóm, v.v...

- Cơ cấu đào tạo theo cấp trình độ và nghề đào tạo chưa thật hợp lý, chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực kỹ thuật trình độ cao cho sản xuất và thị trường lao động. Chưa hình thành được những cơ sở dạy nghề chất lượng cao ở các vùng, miền;

- Cơ chế, chính sách về dạy nghề chưa thay đổi kịp với việc chuyển nền kinh tế sang kinh tế thị

⁴ UNDP-Human Development Report 2013 by the United Nations Development Programme 1 UN Plaza, New York, NY 10017, USA



trường; cơ chế chính sách chưa tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia dạy nghề;

- Nhận thức của xã hội về dạy nghề chưa đầy đủ. Công tác thông tin, tuyên truyền, tư vấn và hướng nghiệp về dạy nghề chưa đủ mạnh. Sự tham gia của doanh nghiệp vào hoạt động dạy nghề còn thụ động, doanh nghiệp chưa thực sự là một trong những chủ thể của hoạt động dạy nghề.

Những hạn chế, bất cập nêu trên của dạy nghề, nhất là những hạn chế về chất lượng dạy nghề đã làm cho năng suất lao động, thu nhập của người lao động Việt Nam, v.v... thấp hơn so với một số nước trong khu vực, và chính điều đó đã góp phần làm giảm năng lực cạnh tranh quốc gia. Do vậy, quan tâm phát triển dạy nghề, nâng cao chất lượng dạy nghề sẽ là đột phá quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

3. Đổi mới, phát triển dạy nghề, nâng cao năng lực cạnh tranh

Kỹ năng nghề của người lao động có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng một nền kinh tế giá trị gia tăng cao, sức cạnh tranh cao. Mặc dù dạy nghề là chưa đủ, nhưng sẽ không có cách nào để tiến lên nếu thiếu một lực lượng lao động kỹ thuật trực tiếp được đào tạo tốt, đáp ứng được những đòi hỏi của một nền kinh tế hiện đại, phức tạp, nhưng vẫn đề đặt ra là làm thế nào để xây dựng được một lực lượng lao động như vậy. Để giải quyết vấn đề nêu trên, thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục như tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, trong thời gian tới, dạy nghề cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất là đổi mới quản lý nhà nước về dạy nghề. Giải pháp này tập trung vào việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dạy nghề gắn với việc hoàn thiện cơ chế, chính sách về dạy nghề, học nghề. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dạy nghề sẽ thực hiện những đổi mới về mục tiêu dạy nghề; tổ chức, quản lý dạy nghề; dạy nghề gắn với doanh nghiệp và một số chính sách khác, v.v...;

Thứ hai là xây dựng khung trình độ nghề quốc gia. Xây dựng khung trình độ nghề quốc gia tương thích với khung trình độ giáo dục quốc gia; hoàn thiện khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia; ban hành các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho các nghề phổ biến;

Thứ ba là phát triển chương trình, giáo trình. Xây dựng và ban hành chương trình, giáo trình dạy nghề trên cơ sở tiêu chuẩn nghề quốc gia đối với các nghề trọng điểm quốc gia; đổi mới các nghề cấp độ khu vực và quốc tế, tiếp nhận và sử dụng chương trình, giáo trình dạy nghề của các nước tiên tiến trong khu

vực ASEAN và quốc tế phù hợp với thị trường lao động Việt Nam;

Thứ tư là phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề. Giải pháp này tập trung chính vào việc chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia về trình độ đào tạo, kỹ năng và su pham nghề;

Thứ năm là tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất, danh mục thiết bị dạy nghề đối với các nghề trọng điểm quốc gia; đổi mới các nghề cấp độ khu vực và quốc tế, tiếp nhận và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở vật chất, danh mục thiết bị dạy nghề của các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN và quốc tế;

Thứ sáu là kiểm định chất lượng dạy nghề và đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia. Thực hiện kiểm định cơ sở dạy nghề và kiểm định chương trình dạy nghề; phát triển các trung tâm đánh giá kỹ năng nghề cho người lao động gắn với đầu tư xây dựng các nghề trọng điểm ở các cơ sở dạy nghề, ở một số doanh nghiệp và một số cơ sở khác;

Thứ bảy là gắn kết giữa dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có trách nhiệm chính trong việc đảm bảo kỹ năng nghề của người lao động trong doanh nghiệp của mình; trực tiếp tham gia vào các hoạt động đào tạo nghề (xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề, xác định danh mục nghề, xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập của học sinh học nghề ...), và nếu không tham gia dạy nghề thì phải đóng kinh phí dạy nghề vào quỹ phát triển dạy nghề;

Thứ tám là đẩy mạnh hợp tác quốc tế về dạy nghề. Hợp tác với các nước ASEAN để tiến tới công nhận kỹ năng nghề giữa các nước, hướng tới Cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Khuyến khích các cơ sở dạy nghề trong nước mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài; tạo hành lang pháp lý thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp nước ngoài phát triển cơ sở dạy nghề chất lượng cao, hợp tác đào tạo nghề tại Việt Nam.

Như vậy có thể thấy, để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia cần phải nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập cho người lao động. Muốn vậy, Nhà nước cần phải quan tâm hơn nữa đến việc phát triển, nâng cao chất lượng dạy nghề. Ngoài giải pháp để xuất nêu trên cần phải tiếp tục triển khai thực hiện tốt các mục tiêu, giải pháp về phát triển dạy nghề đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kì 2011 - 2020, Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, Chiến lược phát triển dạy nghề thời kì 2011 - 2020, thực sự coi phát triển dạy nghề là một trong những đột phá chiến lược, góp



phần quan trọng đưa năng lực cạnh tranh Việt Nam lên mức tương đương với các nước trong khu vực và thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kì 2011 – 2020.
3. Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020.
4. Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược phát triển dạy nghề thời kì 2011 – 2020.
5. Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) (2010), Báo cáo năng lực cạnh tranh Việt Nam năm 2009 - 2010;
6. Asian Productivity Organization (2012), APO Productivity Databook 2012, www.apo-tokyo.org
7. United Nations New York (2008), World Economic Situation and Prospects 2008

BÀI TOÁN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

5.4. Về tính đồng bộ giữa xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện

Điểm yếu đáng lo ngại nhất trong chính sách giáo dục Việt Nam là sự không đồng bộ giữa các tuyên bố về chính sách và việc tổ chức thực hiện. Từ chủ trương, chính sách đến tổ chức thực hiện, chúng ta vẫn mắc phải căn bệnh cổ hủ là chậm trễ, nửa vời, không đến nơi đến chốn. Nói cách khác, không phải chỉ là sự không đồng bộ trong phạm vi chính sách mà sự không đồng bộ giữa văn bản chính sách và tổ chức thực hiện ở nước ta là vấn đề cần được đánh giá nghiêm túc để tìm ra điểm nghẽn khiến giáo dục nước ta luẩn quẩn trong cái bẫy của sự yếu kém, gây bức xúc kéo dài trong dư luận xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CECODES, TCMT, BDN & UNDP, (2012), *Chi số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam: Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân*, Hà Nội: UNDP
2. Nguyễn Thị Bình (chủ nhiệm đề tài), (2013), *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng GV phổ thông*, Báo cáo tổng kết đề tài đặc lập cấp nhà nước, nghiệm thu cơ sở ngày 21/6/2013.
3. Patrinos, H. A. (ed), (2012), *Strengthening education quality in East Asia*. UNESCO & The World Bank.

8. UNDP (2013), *Human Development Report 2013, United Nations Development Programme 1 UN Plaza, New York, NY 10017, USA*

9. World Economic Forum (2013), *The Global Competitiveness Report 2012 - 2013*, <http://reports.weforum.org>

SUMMARY

The paper presents the research on national competitiveness, a challenge for vocational training. On the basis of an overall assessment of the situation of vocational training, the article described the basic solution to vocational training development, improve national competitiveness. These solutions focus on innovative state management of vocational training qualifications framework for national development programs, curriculum, faculty development and training managers to intensify facilities and training equipment, quality control and evaluation of vocational skills certification national linkages between vocational training and the labor market participation of businesses and boosting cooperation international vocational training.

(Tiếp theo trang 5)

Phạm, D. N. T, (2011), Tư duy lại về chế độ, chính sách đối với GV phổ thông nước ta, *Tạp chí KHGD*, số 73, tháng 10/2011.

4. Schwab, K. (ed). (2008, 2009, 2010, 2011, 2012), *The Global Competitiveness Reports*, Switzerland: The World Economic Forum.

5. The Economist Intelligence Unit. (2012), *The learning curve. Lessons in country performance in education*, Pearson Publishing.

6. UIL. (2009), *Global Report on adult learning and education*, Hamburg: UNESCO Institute for Lifelong Learning.

SUMMARY

Improving the quality of education is a top issue of education development in Vietnam presently on the way of building a learning society. The solution for this problem depends primarily on the development of an aligned policy system in key domains of education, in which the teacher policy takes a priority role. Meanwhile, reviews from many perspectives show that a fundamental weakness of Vietnam is a misalignment in the educational policy system in general, the teacher policy in particular. Based on an initial identification of this misalignment, the paper gives comments on the requirement of alignment in the policy formulation and implementation to which the education policy-makers in Vietnam should pay attention.